

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Đường số 4, KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016

BAO GỒM:

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
3. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bà Rịa- Vũng Tàu, Tháng 04/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kê toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016*

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		569,606,436,401	520,172,699,092
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7,598,594,151	38,482,742,856
1. Tiền	111		1,978,594,151	32,862,742,856
2. Các khoản tương đương tiền	111		5,620,000,000	5,620,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13,700,000,000	21,637,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	13,700,000,000	21,637,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		454,468,183,037	388,503,393,126
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	162,815,919,520	159,151,123,907
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	165,882,329,436	110,481,110,811
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	33,907,236,894	11,275,578,494
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	91,862,697,187	107,595,579,914
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	90,880,138,822	69,176,295,721
1. Hàng tồn kho	141		90,880,138,822	69,176,295,721
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,959,520,391	2,373,267,389
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	724,528,009	408,993,517
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		950,348,364	679,629,854
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	1,284,644,018	1,284,644,018
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		355,301,965,785	335,053,876,540
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		191,792,055	191,792,055
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	191,792,055	191,792,055
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		206,096,037,851	205,624,421,513
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	204,356,077,837	203,870,439,094
<i>Nguyên giá</i>	222		234,080,849,605	230,607,334,452
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(29,724,771,768)	(26,736,895,358)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1,739,960,014	1,753,982,419
<i>Nguyên giá</i>	228		2,048,268,888	2,048,268,888
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(308,308,874)	(294,286,469)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7,928,321,678	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	7,928,321,678	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		33,500,000,000	19,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253	V.13	33,500,000,000	19,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		972,891,535	787,613,446
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	972,891,535	787,613,446
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.8c	106,612,922,666	109,450,049,526
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		924,908,402,186	855,226,575,632

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		338,578,352,968	289,986,504,894
I. Nợ ngắn hạn	310		269,830,619,588	243,281,279,423
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	131,647,099,671	87,129,620,713
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	89,394,247,659	108,309,142,589
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	8,706,241,061	15,901,687,501
4. Phải trả người lao động	314		607,703,378	1,061,450,238
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	232,000,000	232,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	9,369,240,872	680,040,171
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	29,874,086,947	29,967,338,211
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		68,747,733,380	46,705,225,471
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	67,235,860,000	45,817,520,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	1,511,873,380	887,705,471
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		586,330,049,218	565,240,070,738
I. Vốn chủ sở hữu	410		586,330,049,218	565,240,070,738
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	500,000,000,000	500,000,000,000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500,000,000,000	500,000,000,000
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	82,869,669,177	61,861,384,040
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		61,861,384,040	15,206,069,113
11b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21,008,285,137	46,655,314,927
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	3,460,380,041	3,378,686,698
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		924,908,402,186	855,226,575,632


Trần Thị Huệ
Người lập biểu


Mai Đình Hanh
Kế toán trưởng


Trần Đức Tuấn
Tổng giám đốc



Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 22 tháng 04 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	192,861,795,238
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		192,861,795,238
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	160,055,828,295
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32,805,966,943
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	263,640,882
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,858,697,180
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,857,952,141
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1,836,069,063
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15,196,508,053
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14,178,333,529
11. Thu nhập khác	31	VI.7	9,395,572,064
12. Chi phí khác	32	VI.8	1,372,469,070
13. Lợi nhuận khác	40		8,023,102,994
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22,201,436,523
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	487,290,134
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	624,167,909
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21,089,978,480
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		21,008,285,137
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		81,693,343
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	420.17


 Trần Thị Huệ
 Người lập biểu


 Mai Đình Hạnh
 Kế toán trưởng


 Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 04 năm 2016

 Trần Đức Tuấn
 Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22,201,436,523
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11	3,290,130,646
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	556,434,834
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1,857,952,141
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27,905,954,144
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(58,103,850,021)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(21,703,843,101)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		28,992,428,155
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(500,812,581)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,857,952,141)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(25,268,075,545)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11	(12,682,867,132)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	436,363,636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2, V.5	(22,631,658,400)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2, V.5	7,937,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26,941,161,896)

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19a, V.19b	58,027,151,704
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19a, V.19b	(36,702,062,968)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21,325,088,736
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(30,884,148,705)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	38,482,742,856
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	7,598,594,151

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 04 năm 2016


Trần Thị Huệ
Người lập biểu


Mai Đình Hanh
Kế toán trưởng


Trần Đức Tuân
Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ:

Công ty Cổ phần Otran Logistics hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502233726 ngày 09 tháng 09 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp qua các lần thay đổi như sau:

- Lần thứ nhất ngày 19 tháng 06 năm 2014 về việc chuyển đổi tên Công ty từ Công ty TNHH Vina Commodities Phú Mỹ sang Công ty TNHH Otran Logistics
- Lần thứ hai ngày 07 tháng 11 năm 2014 về việc chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Otran Logistics và tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng.
- Lần thứ ba (lần gần nhất) ngày 11 tháng 08 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 250.000.000.000 đồng lên 500.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty (theo Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần gần nhất) là 500.000.000.000 (năm trăm tỷ) đồng.

Trụ sở hoạt động chính: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại; Cho thuê nhà ở; Cho thuê kho bãi, đỗ xe; Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê nhà có trang bị đặc biệt (phòng hòa nhạc, nhà hát, hội trường, phòng cưới, ...); Kinh doanh dịch vụ chợ và quản lý trung tâm thương mại;
- Xay sát và sản xuất bột thô (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (trừ chế biến bột cá) (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, công nghiệp; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dầu khí, ngành hàng hải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm, cân, đo, lấy mẫu hàng hóa; Đại lý khai thuế hải quan. Đại lý vận tải hàng hóa đường biển. Dịch vụ bao gói hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tải biển;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Chế biến và bảo quản rau quả (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Cấu trúc tập đoàn

Công ty có Văn phòng đặt tại đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và có các công ty con sau đây:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	Cụm Công nghiệp Dốc 47, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	97,00%	97,00%
Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc	Khu Công nghiệp Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	90,00%	90,00%

Tổng số các công ty con: 2 (hai) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 2 (hai) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Otran Logistics được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Otran Logistics và Báo cáo tài chính của 02 Công ty con do Công ty sở hữu và nắm quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Otran Logistics, Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai, Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc, có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 24

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hóa theo quy định.

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi sổ kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là các khoản chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty mẹ với thời hạn trên 01 năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Cụ thể:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 25 tháng 08 năm 2015 và được phân bổ trong 10 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phải sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	651.818.329	1.154.000.454
Tiền gửi ngân hàng	1.326.775.822	31.708.742.402
Tương đương tiền (*)	5.620.000.000	5.620.000.000
Cộng	7.598.594.151	38.482.742.856

(*) Là tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ngày 08/06/2015, kỳ hạn 01 tháng, lãi suất cố định 4.2%/ năm. Khoản tiền gửi này nhằm mục đích bảo lãnh thực hiện hợp đồng dịch vụ cầu cảng với Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Giá trị ghi sổ	Giá trị	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	13.700.000.000	13.700.000.000	21.637.000.000	21.637.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 4 (*)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh 4 (**)	7.700.000.000	7.700.000.000	15.637.000.000	15.637.000.000
Cộng	13.700.000.000	13.700.000.000	21.637.000.000	21.637.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 4- TPHCM theo các hợp đồng tiền gửi sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Số tiền
15.908.001/HĐCC-OTRANLOGISTICS	06/02/2015	6%/năm	1.000.000.000
15.908.002/HĐCC-OTRANLOGISTICS	09/02/2015	6%/năm	1.000.000.000
15.908.003/HĐCC-OTRANLOGISTICS	12/02/2015	6%/năm	1.000.000.000
15.908.004/HĐCC-OTRANLOGISTICS	05/03/2015	6%/năm	1.000.000.000
15.908.005/HĐCC-OTRANLOGISTICS	11/03/2015	6%/năm	1.000.000.000
15.908.006/HĐCC-OTRANLOGISTICS	02/04/2015	6%/năm	1.000.000.000
Cộng			6.000.000.000

(**) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh 4 theo các hợp đồng tiền gửi sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Số tiền
20160304/HDTG/OTDN-No 4	04/03/2016	5,5%	7.700.000.000
Cộng			7.700.000.000

3. Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty TNHH AP Commodities	64.017.519.242	-	95.412.719.242	-
- Công ty TNHH Đầu tư VNC	18.877.870.029	-	18.877.870.029	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	27.407.396.767	-	21.742.595.793	-
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	11.651.808.946	-	1.012.678.273	-
- Công ty TNHH Hanogo Việt Nam	9.501.810.000	-	-	-
- Valency Internatinal trading Pte Ltd	7.602.069.405	-	-	-
- Đặng Thế Nam	6.250.252.050	-	6.250.252.050	-
- Công ty cổ phần Otran Việt Nam	4.631.121.573	-	2.934.038.636	-
- Nguyễn Kim Long	3.287.378.460	-	4.390.101.306	-
- Công ty Cổ phần Hùng Vương	2.858.713.719	-	1.416.342.816	-
- Công ty TNHH Minh Đan	1.057.954.393	-	3.217.234.257	-
- Công ty TNHH Hùng Trọng	826.010.319	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam	701.699.178	-	701.699.178	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	629.281.866	-	629.281.866	-
- Các khách hàng khác	3.515.033.573	-	2.566.310.461	-
Cộng	162.815.919.520	-	159.151.123.907	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng là bên liên quan

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	27.407.396.767	-	21.742.595.793	-
- Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	4.631.121.573	-	2.934.038.636	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư VNC	18.877.870.029	-	18.877.870.029	-
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	11.651.808.946	-	1.012.678.273	-
- Vinacommodities Singapore PTE.LTD	140.372.322	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải		-	129.977.782	-
Cộng	62.708.569.637	-	44.697.160.513	-

4. Trả trước cho người bán***Trả trước cho người bán ngắn hạn***

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	138.146.008.556	94.179.830.416
- Wel Hunt Materials Enterprise Co., Ltd	19.652.093.585	-
- Công ty Cổ Phần Otran Việt Nam	-	7.840.486.060
- Công ty Cổ phần Otc Việt Nam	2.279.000.000	1.559.000.000
- Vina Commodities Singapore Pte., Ltd	1.028.460.152	1.028.460.152
- Lê Thanh Vân	605.420.860	605.420.860
- Các nhà cung cấp khác	4.171.346.283	5.267.913.323
Cộng	165.882.329.436	110.481.110.811

Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	138.146.008.556	94.179.830.416
- Công ty Cổ Phần Otran Việt Nam	-	7.840.486.060
- Vina Commodities Singapore Pte., Ltd	1.028.460.152	1.028.460.152
Cộng	139.174.468.708	103.048.776.628

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ông Nguyễn Đức Tiến (*)	1.250.000.000	-	1.250.000.000	-
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam (**)	32.657.236.894	-	10.025.578.494	-
Cộng	33.907.236.894	-	11.275.578.494	-

(*) Là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn ông Nguyễn Đức Tiến, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 25/12/2015 với lãi suất 9%/ năm.

(**) Khoản cho vay Công ty Cổ phần Otran Miền Nam theo Hợp đồng vay vốn số 01/2015/HĐ/OTL-OTMN ngày 01/12/2015 mục đích vay bổ sung vốn lưu động, lãi suất hỗ trợ không tính lãi trong thời gian 03 tháng đầu từ khi nhận nợ, lãi suất vay sau thời gian hỗ trợ là 7,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu về cho vay với các bên liên quan

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ông Nguyễn Đức Tiến	1.250.000.000	-	1.250.000.000	-
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	32.657.236.894	-	10.025.578.494	-
Cộng	33.907.236.894	-	11.275.578.494	-

Tình hình biến động của khoản cho vay ngắn hạn như sau:

	Kỳ này
Số đầu kỳ	11.275.578.494
Cho vay tiền trong kỳ	22.631.658.400
Tiền vay đã trả trong kỳ	-
Số cuối kỳ	33.907.236.894

6. Phải thu khác***a. Phải thu khác ngắn hạn***

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	734.881.381	-	1.236.917.933	-
- Ông Trần Đức Tuấn	-	-	601.491.552	-
- Các nhân viên khác	734.881.381	-	635.426.381	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	6.000.000	-	6.000.000	-
Phải thu khác	91.121.815.806	-	106.352.661.981	-
- Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	48.283.579.267	-	48.413.579.267	-
<i>Chuyển nhượng cổ phần (*)</i>	<i>48.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>48.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Thu chi hệ</i>	<i>283.579.267</i>	<i>-</i>	<i>413.579.267</i>	<i>-</i>
- Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	31.716.004.787	-	45.865.612.503	-
<i>Góp vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ/OTL-OTE ngày 02/10/2015</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Góp vốn (**)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>14.500.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Thu chi hệ</i>	<i>1.716.004.787</i>	<i>-</i>	<i>1.365.612.503</i>	<i>-</i>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam (***)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	385.073.964	-	-	-
- Phải thu lãi tiền cho vay ông Trần Đức Tuấn	-	-	1.295.785.602	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	737.157.788	-	777.684.609	-
Cộng	91.862.697.187	-	107.595.579.914	-

(*) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Otran Việt Nam về việc chuyển nhượng 1.200.000 cổ phần với giá trị 48.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2015/HĐCN ngày 25 tháng 08 năm 2015, đến thời điểm 31 tháng 03 năm 2016 vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng.

(**) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Otran, trong kỳ đã hoàn thành thủ tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(***) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam về việc chuyển nhượng 600.000 cổ phần với giá trị 10.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2015/HĐCN ngày 01 tháng 12 năm 2015, đến thời điểm 31 tháng 03 năm 2016 vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng.

b. Phải thu khác dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền đặt cọc thuê văn phòng tòa nhà Ree Tower của Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	191.792.055	191.792.055	191.792.055	191.792.055
Cộng	191.792.055	191.792.055	191.792.055	191.792.055

Phải thu khác của các bên liên quan

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Tạm ứng</i>	<i>601.491.552</i>	-	<i>601.491.552</i>	-
- Ông Trần Đức Tuấn	-	-	601.491.552	-
Phải thu khác	80.384.658.018	-	95.574.977.372	-
- Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	48.283.579.267	-	48.413.579.267	-
<i>Chuyển nhượng cổ phần (*)</i>	<i>48.000.000.000</i>	-	<i>48.000.000.000</i>	-
<i>Thu chi hộ</i>	<i>283.579.267</i>	-	<i>413.579.267</i>	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	31.716.004.787	-	45.865.612.503	-
<i>Góp vốn liên doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ/OTL-OTE ngày 02/10/2015</i>	<i>30.000.000.000</i>	-	<i>30.000.000.000</i>	-
<i>Góp vốn</i>	<i>-</i>	-	<i>14.500.000.000</i>	-
<i>Thu chi hộ</i>	<i>1.716.004.787</i>	-	<i>1.365.612.503</i>	-
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	385.073.964	-	-	-
- Phải thu tiền lãi vay ông Trần Đức Tuấn	-	-	1.295.785.602	-
Cộng	80.986.149.570	-	96.176.468.924	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	215.744.024	-	224.560.505	-
Công cụ, dụng cụ	69.787.500	-	13.976.923	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.805.851.938	-	32.252.116.598	-
Hàng hóa	57.788.755.360	-	36.685.641.695	-
Cộng	90.880.138.822	-	69.176.295.721	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí công cụ, dụng cụ	724.528.009	408.993.517
Cộng	724.528.009	408.993.517

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí công cụ, dụng cụ	972.891.535	787.613.446
Cộng	972.891.535	787.613.446

c. Lợi thế thương mại

	Kỳ này
Số đầu kỳ	109.450.049.526
Tăng trong kỳ	-
Phân bổ trong kỳ	(2.837.126.860)
Số cuối kỳ (*)	106.612.922.666

(*) Chi tiết:

	Số tiền
Vốn đầu tư vào Công ty con - Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	143.160.000.000
Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai tại ngày mua 25/08/2015	29.674.925.607
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 25/08/2015	29.100.000.000
- Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 25/08/2015	574.925.607
Phân phối lợi thế thương mại	(6.872.151.727)
- Phân bổ lợi thế thương mại từ 25/08/2015 đến 31/12/2015	(4.035.024.867)
- Phân bổ lợi thế thương mại từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	(2.837.126.860)
Lợi thế thương mại	106.612.922.666

9. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	65.432	65.432
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.284.578.586	1.284.578.586
Cộng	1.284.644.018	1.284.644.018

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc và thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (**)	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	202.304.824.559	16.793.676.973	9.218.904.164	1.076.569.408	1.213.359.348	230.607.334.452
Tăng trong kỳ	-	2.300.000.000	2.454.545.454	-	-	4.754.545.454
- Mua sắm mới	-	2.300.000.000	2.454.545.454	-	-	4.754.545.454
Giảm trong kỳ	-	(1.281.030.301)	-	-	-	(1.281.030.301)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.281.030.301)	-	-	-	(1.281.030.301)

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số cuối kỳ	202.304.824.559	17.812.646.672	11.673.449.618	1.076.569.408	1.213.359.348	234.080.849.605
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ	20.491.497.330	3.881.185.006	1.302.078.928	724.763.883	337.370.211	26.736.895.358
Tăng trong kỳ	2.440.980.522	435.693.371	271.509.191	82.106.244	45.818.913	3.276.108.241
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	2.440.980.522	435.693.371	271.509.191	82.106.244	45.818.913	3.276.108.241
Giảm trong kỳ	-	(288.231.831)	-	-	-	(288.231.831)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(288.231.831)	-	-	-	(288.231.831)
Số cuối kỳ	22.932.477.852	4.028.646.546	1.573.588.119	806.870.127	383.189.124	29.724.771.768
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	181.813.327.229	12.912.491.967	7.916.825.236	351.805.525	875.989.137	203.870.439.094
Số cuối kỳ	179.372.346.707	13.784.000.126	10.099.861.499	269.699.281	830.170.224	204.356.077.837

(*) Một số nhà cửa vật kiến trúc, máy móc và thiết bị được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh 4, xem tại thuyết minh V.19a.

(**) Một số phương tiện vận tải được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Mỹ, xem tại thuyết minh V.19b.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	2.048.268.888	294.286.469	1.753.982.419
Tăng trong kỳ	-	14.022.405	
<i>Khấu hao trong kỳ</i>		14.022.405	
Giảm trong kỳ	-	-	
Số cuối kỳ	2.048.268.888	308.308.874	1.739.960.014

(*) Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 765895, thửa số 1945 tại xã Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với diện tích 19.875 m².

12. Đầu tư vào công ty khác

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Năng lượng Otran (*)	33.500.000.000	-	33.500.000.000	19.000.000.000	-	19.000.000.000
Cộng	33.500.000.000	-	33.500.000.000	19.000.000.000	-	19.000.000.000

(*) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Otran theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3502253578 ngày 16/05/2014 (thay đổi lần gần nhất ngày 13/08/2015) với số lượng cổ phiếu đầu tư là 1.900.000 cổ phiếu, chiếm 19% vốn điều lệ.

13. Phải trả người bán

Phải trả người bán ngắn hạn

Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty Cổ phần Vinagrains	43.807.798.510	43.807.798.510	16.882.798.510	16.882.798.510
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh	19.085.600.839	19.085.600.839	19.085.600.839	19.085.600.839
- Công ty TNHH Thương mại và Kho vận Phú Thái	12.393.442.500	12.393.442.500	1.635.864.900	1.635.864.900
- Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	11.971.183.575	11.971.183.575	854.851.075	854.851.075
- DG Global Inc	9.282.793.450	9.282.793.450	-	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Cao Sơn	6.730.255.602	6.730.255.602	6.730.255.602	6.730.255.602
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	4.486.801.039	4.486.801.039	4.551.251.788	4.551.251.788
- Công ty Cổ phần Vicoal	3.694.402.800	3.694.402.800	-	-
- Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	3.339.217.398	3.339.217.398	1.810.380.141	1.810.380.141
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam	1.270.829.202	1.270.829.202	1.570.829.202	1.570.829.202
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	983.875.946	983.875.946	983.875.946	983.875.946
- Doanh nghiệp Tư nhân Giang Huy	659.580.275	659.580.275	743.813.126	743.813.126
- Công ty TNHH Xăng dầu Thịnh Long	657.573.000	657.573.000	-	-
- Công ty TNHH Thái Ninh Phú	649.796.396	649.796.396	-	-
- Các nhà cung cấp khác	12.633.949.139	12.633.949.139	32.280.099.584	32.280.099.584
Cộng	131.647.099.671	131.647.099.671	87.129.620.713	87.129.620.713

Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	11.971.183.575	11.971.183.575	854.851.075	854.851.075
- Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	3.339.217.398	3.339.217.398	1.810.380.141	1.810.380.141
- Công ty Cổ phần Đầu tư VNC	144.462.000	144.462.000	144.462.000	144.462.000
- Công ty Cổ phần Otran Hưng Yên	65.000.000	65.000.000	65.000.000	65.000.000
Cộng	15.519.862.973	15.519.862.973	2.874.693.216	2.874.693.216

14. Người mua trả tiền trước**Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	81.030.823.871	93.592.535.221
Công ty TNHH MTV SX TM Hoàng Dung	2.960.000.000	-
Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	2.772.274.637	2.772.274.637
Các khách hàng khác	2.631.149.151	11.944.332.731
Cộng	89.394.247.659	108.309.142.589

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Người mua trả tiền trước là các bên liên quan*

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	81.030.823.871	93.592.535.221
Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	2.772.274.637	2.772.274.637
Cộng	83.803.098.508	96.364.809.858

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Thuế giá trị gia tăng	1.137.323.614	1.137.323.614	449.963.580	449.963.580
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.450.244.937	7.450.244.937	15.404.601.411	15.404.601.411
Thuế thu nhập cá nhân	88.672.510	88.672.510	47.122.510	47.122.510
Các loại thuế khác	30.000.000	30.000.000	-	-
Cộng	8.706.241.061	8.706.241.061	15.901.687.501	15.901.687.501

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả**Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng Malayan Banking Berhad tại Thành Phố Hồ Chí Minh	232.000.000	232.000.000	232.000.000	232.000.000
Cộng	232.000.000	232.000.000	232.000.000	232.000.000

17. Phải trả khác**Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bảo hiểm xã hội	291.305.434	291.305.434	12.399.267	12.399.267
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	9.077.935.438	9.077.935.438	667.640.904	667.640.904
Phải trả tiền mượn ông Trần Đức Tuấn	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-
Lãi chậm nộp thuế TNDN, GTGT	39.728.215	39.728.215	244.657.129	244.657.129
Các đối tượng khác	1.538.207.223	1.538.207.223	422.983.775	422.983.775
Cộng	9.369.240.872	9.369.240.872	680.040.171	680.040.171

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Phải trả khác với các bên liên quan**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả tiền mượn ông Trần Đức Tuấn	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-
Cộng	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-

18. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4	29.874.086.947	29.874.086.947	29.967.338.211	29.967.338.211
Cộng	29.874.086.947	29.874.086.947	29.967.338.211	29.967.338.211

Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 theo Hợp đồng vay số 01/2015-HĐTDHM/NHCT908-OTRANLOGISTICS ký ngày 02 tháng 02 năm 2015 đính kèm Phụ lục số 01/2016-HĐTD-SĐBS/NHCT908-OTRANLOGISTICS ngày 04/02/2016 và Phụ lục số 02/2016-HĐTD-SĐBS/NHCT908-OTRANLOGISTICS ngày 18/03/2016. Hạn mức vay là **30.000.000.000 đồng**. Thời hạn vay từ ngày 02/01/2016 đến ngày 14/04/2016. Mục đích vay: Để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh dịch vụ logistics (dịch vụ cảng, bến cảng, vận tải, kho bãi và lưu giữ hàng hóa). Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng tài sản, chi phí đầu tư số 06/HĐKT/VRC/2013 số 14.048.001/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 14.048.002/HĐTC- OTRAN LOGISTIC ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp động sản số 14.048.003/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 14.048.004/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 15.048.005/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 02/02/2015.

Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Kỳ này
Số đầu kỳ	29.967.338.211
Tiền vay đã nhận trong kỳ	35.912.151.704
Tiền vay đã trả trong kỳ	(36.005.402.968)
Số cuối kỳ	29.874.086.947

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ (*)	3.393.360.000	3.393.360.000	3.817.520.000	3.817.520.000
Ngân hàng VPB Chi nhánh Vũng Tàu (**)	1.361.100.000	1.361.100.000	-	-
Ngân hàng Eximbank – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (***)	1.880.000.000	1.880.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngân hàng Agribank CN 4 tại TP Hồ Chí Minh (****)	18.601.400.000	18.601.400.000	-	-
Ngân hàng Malayan Banking Berhad tại Thành Phố Hồ Chí Minh (*****)	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
Cộng	67.235.860.000	67.235.860.000	45.817.520.000	45.817.520.000

(*) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ theo Hợp đồng vay số 01/2015/6891002/HĐTD ký ngày 12/02/2015. Hạn mức 5.090.000.000 đồng. Mục đích vay để mua xe tải tự đổ. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Lãi suất vay 10%/năm (được áp dụng tới ngày 12/08/2015) sau đó được điều chỉnh 6 tháng /lần theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp xe tải tự đổ theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004813, 004812, 004814, 004815, 004816 do CA tỉnh BRVT cấp ngày 11/02/2015, biển số số 72C-05544, 72C 05694, 72C-05443, 72C-05510, 72C-05613.

(**) Là khoản vay của Ngân hàng VPBANK - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng vay số SME/VTU/16/0005/HĐTD ký ngày 07/03/2016. Hạn mức 1.390.000.000 đồng. Mục đích vay để mua 02 xe xúc lật. Thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Lãi suất vay 10,5%/năm (được áp dụng tới ngày 08/06/2016) sau đó được điều chỉnh 1 tháng /lần theo thông báo lãi suất của VPBANK tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp xe xúc biển số 72LA-1243, 72LA-1244.

(***) Là khoản vay của Ngân hàng EXIMBANK - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 2000-LDS-201603784 ký ngày 29/03/2016. Hạn mức 1.880.000.000 đồng. Mục đích vay để mua 02 xe tải tự đổ Shechman. Thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Lãi suất vay 8,5%/năm (được áp dụng tới ngày 29/03/2017) sau đó được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của EXIMBANK tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp xe tải tự đổ biển số 72C-078.86 và 72C-071.62.

(****) Khoản vay tín chấp ngân hàng Agribank chi nhánh 4 tại Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 1902-LAV-201500347. Hạn mức tín dụng 55.000.000.000 VND. Số nhận nợ kỳ này: 18.845.000.000 VND. Lãi suất 7,5%/năm. Mục đích vay: để mua, nhập khẩu hàng hóa, nguyên vật liệu.

(*****) Khoản vay tín chấp ngân hàng Malayan Banking Berhad tại Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số MBB/HCMC/LO/2014/VDNC/01. Hạn mức tín dụng 2.100.000 USD. Lãi suất 0,1%/năm. Mục đích vay: để mua, nhập khẩu hàng hóa, nguyên vật liệu.

Tình hình biến động các khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này
Số đầu kỳ	45.817.520.000
Tiền vay phát sinh trong kỳ	22.115.000.000
Tiền vay đã trả trong kỳ	(696.660.000)
Số cuối kỳ	67.235.860.000

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Là thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch tạm thời phát sinh trong kỳ từ việc phân bổ lợi thế thương mại.

	Kỳ này
Số đầu kỳ	887.705.471
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	624.167.909
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các Kỳ trước	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>
Số cuối kỳ	1.511.873.380

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Lợi ích cổ đồng không kiểm soát</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu kỳ	500.000.000.000	61.861.384.040	3.378.686.698	565.240.070.738
Lợi nhuận trong kỳ	-	21.008.285.137	81.693.343	21.089.978.480
Số dư cuối kỳ	500.000.000.000	82.869.669.177	3.460.380.041	586.330.049.218

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	500.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối năm	500.000.000.000	500.000.000.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	50.000.000	50.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.000.000	50.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>
Doanh thu bán hàng hóa	120.966.482.389
Doanh thu dịch vụ khai thác cảng, kho	43.902.439.874
Doanh thu dịch vụ kho bãi (lưu kho, thuê kho và dịch vụ khác)	18.469.406.207
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	4.742.938.139
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	4.780.528.629
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
Cộng	192.861.795.238

Doanh thu với các bên liên quan

	<u>Kỳ này</u>
Công ty Cổ Phần Otran Việt Nam	-
Công ty Cổ Phần Otran Miền Nam	9.033.503.863
Công ty Cổ phần Năng Lượng Otran	32.620.920.824
Công ty Cổ Phần Otran Hưng Yên	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Kỳ này
Cộng	41.654.424.687
2. Giá vốn hàng bán	
	Kỳ này
Giá vốn cung cấp hàng hóa	117.266.820.863
Giá vốn cung cấp dịch vụ khai thác cảng, kho	37.661.519.112
Giá vốn cung cấp dịch vụ kho bãi (lưu kho, thuê kho và dịch vụ khác)	2.502.632.526
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.560.587.812
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	64.267.982
Cộng	160.055.828.295
3. Doanh thu hoạt động tài chính	
	Kỳ này
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	11.050.882
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	252.590.000
Cộng	263.640.882
4. Chi phí tài chính	
	Kỳ này
Chi phí lãi vay	1.857.952.141
Chênh lệch tỷ đã thực hiện	679.989
Chi phí khác	65.050
Cộng	1.858.697.180
5. Chi phí bán hàng	
	Kỳ này
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.679.105
Chi phí khấu hao tài sản cố định	584.630.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.447.951
Chi phí bán hàng bằng tiền khác	1.132.311.737
Cộng	1.836.069.063
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	
	Kỳ này
Chi phí nhân viên quản lý	3.989.215.600
Chi phí đồ dùng văn phòng	279.017.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.318.893.543
Chi phí thuê, phí, lệ phí	42.656.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.323.051.220
Phân bổ lợi thế thương mại	2.837.126.860
Chi phí bằng tiền khác	1.406.546.687
Cộng	15.196.508.053
7. Thu nhập khác	
	Kỳ này
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015	8.441.646.608

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Kỳ này
Thu nhập được thưởng, bồi thường tàu	118.842.170
Thu tiền bán hàng phế	-
Thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ	436.363.636
Thu nhập khác	398.719.650
Cộng	9.395.572.064
8. Chi phí khác	
	Kỳ này
Chi phí phạt, bồi thường tàu	86.963.300
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	992.798.470
Chi phí khác	292.707.300
Cộng	1.372.469.070
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	
Là thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của:	
	Kỳ này
Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	404.366.825
Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc	82.923.309
Cộng	487.290.134
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hoãn lại	
Là thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế (từ việc phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ).	
	Kỳ này
Số đầu kỳ	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	624.167.909
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	-
Số cuối kỳ	624.167.909
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	
	Kỳ này
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.008.285.137
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.008.285.137
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ ^(*)	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	420,16

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, các giao dịch không bằng tiền phát sinh như sau:

Tăng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng
lượng Otran từ khoản phải thu khác

Kỳ này

14.500.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh các chỉ tiêu trên bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Công ty bắt đầu kiểm soát các công ty con: Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc từ ngày 01 tháng 06 năm 2015 và Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai từ ngày 25 tháng 08 năm 2015. Do đó số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ không có số liệu hợp nhất tương ứng.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Kỳ này

Lãi cho vay phải thu	-
Nhận góp vốn	-
Cho vay tiền	-
Thu tiền lãi vay	1.295.785.602
Thu tiền tạm ứng	601.491.552

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tạm ứng	-	601.491.552
Phải thu tiền cho vay	1.250.000.000	1.250.000.000
Phải thu lãi tiền cho vay		1.295.785.602
Cộng nợ phải thu		3.147.277.154

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Otran Hưng Yên	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Vina Commodities Singapore Pte., Ltd	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư VNC	Thành viên quản lý chủ chốt có mối liên hệ mật thiết trong gia đình

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu kỳ
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Otran</i>		
Phải thu tiền hàng	27.407.396.767	21.742.595.793
Phải thu góp vốn liên doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ/OTL-OTE ngày 02/10/2015	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu khác	-	14.500.000.000
Thu chi hộ	1.716.004.787	1.365.612.503
<i>Công ty Cổ phần Otran Việt Nam</i>		
Ứng trước tiền hàng	-	7.840.486.060
Chuyển nhượng cổ phần	48.000.000.000	48.000.000.000
Thu chi hộ	283.579.267	413.579.267
<i>Công ty Cổ phần Otran Miền Nam</i>		
Phải thu tiền hàng	11.651.808.946	1.012.678.273
Trả trước tiền hàng	138.146.008.556	94.179.830.416
Phải thu tiền cho vay	32.657.236.894	10.025.578.494
<i>Vina Commodities Singapore Pte., Ltd</i>		
Ứng trước tiền hàng	1.028.460.152	1.028.460.152
<i>Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải</i>		
Phải thu tiền hàng	-	129.977.782
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư VNC</i>		
Phải thu tiền hàng	18.877.870.029	18.877.870.029
Cộng nợ phải thu	309.768.365.398	249.116.668.769
<i>Công ty Cổ phần Otran Việt Nam</i>		
Nhận ứng trước tiền hàng	2.772.274.637	2.772.274.637
Phải trả tiền hàng	11.971.183.575	854.851.075
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Otran</i>		
Nhận ứng trước tiền hàng	81.030.823.871	93.592.535.221
<i>Công ty Cổ phần Otran Hưng Yên</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải trả tiền hàng	65.000.000	65.000.000
--------------------	------------	------------

Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải

Phải trả tiền hàng	3.339.217.398	1.810.380.141
--------------------	---------------	---------------

Công ty Cổ phần Đầu tư VNC

Phải trả tiền hàng	144.462.000	144.462.000
--------------------	-------------	-------------

Cộng nợ phải trả

99.322.961.481	99.239.503.047
-----------------------	-----------------------

4. Thông tin khả năng hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.598.594.151	38.482.742.856	7.598.594.151	38.482.742.856
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.700.000.000	21.637.000.000	13.700.000.000	21.637.000.000
Phải thu khách hàng	162.815.919.520	159.151.123.907	162.815.919.520	159.151.123.907
Phải thu về cho vay	33.907.236.894	11.275.578.494	33.907.236.894	11.275.578.494
Các khoản phải thu khác	92.054.489.242	107.787.371.969	92.054.489.242	107.787.371.969
Cộng	310.076.239.807	338.333.817.226	310.076.239.807	338.333.817.226
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	131.647.099.671	87.129.620.713	131.647.099.671	87.129.620.713
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.706.241.061	15.901.687.501	8.706.241.061	15.901.687.501
Phải trả người lao động	607.703.378	1.061.450.238	607.703.378	1.061.450.238
Chi phí phải trả	232.000.000	232.000.000	232.000.000	232.000.000
Phải trả khác	9.369.240.872	680.040.171	9.369.240.872	680.040.171
Vay và nợ thuê tài chính	97.109.946.947	75.784.858.211	97.109.946.947	75.784.858.211
Cộng	247.672.231.929	180.789.656.834	247.672.231.929	180.789.656.834

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Đơn vị tính: VND

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.598.594.151	-	7.598.594.151
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.700.000.000	-	13.700.000.000
Phải thu khách hàng	162.815.919.520	-	162.815.919.520
Phải thu về cho vay	33.907.236.894	-	33.907.236.894
Các khoản phải thu khác	92.054.489.242	-	92.054.489.242
Cộng	310.076.239.807	-	310.076.239.807
Số đầu kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.482.742.856	-	38.482.742.856
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.637.000.000	-	21.637.000.000
Phải thu khách hàng	159.151.123.907	-	159.151.123.907
Phải thu về cho vay	11.275.578.494	-	11.275.578.494
Các khoản phải thu khác	107.787.371.969	-	107.787.371.969
Cộng	338.333.817.226	-	338.333.817.226

7. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Phải trả cho người bán	131.647.099.671	-	131.647.099.671
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.706.241.061	-	8.706.241.061
Phải trả người lao động	607.703.378	-	607.703.378
Chi phí phải trả	232.000.000	-	232.000.000
Phải trả khác	9.369.240.872	-	9.369.240.872

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Vay và nợ thuê tài chính	29.874.086.947	67.235.860.000	97.109.946.947
Cộng	180.436.371.929	67.235.860.000	247.672.231.929
Số đầu kỳ			
Phải trả cho người bán	87.129.620.713	-	87.129.620.713
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.901.687.501	-	15.901.687.501
Phải trả người lao động	1.061.450.238	-	1.061.450.238
Chi phí phải trả	232.000.000	-	232.000.000
Phải trả khác	680.040.171	-	680.040.171
Vay và nợ thuê tài chính	29.967.338.211	45.817.520.000	75.784.858.211
Cộng	134.972.136.834	45.817.520.000	180.789.656.834

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có phát sinh giao dịch mua dịch vụ bằng USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá hối đoái vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

9. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý. Các khoản không phân bổ được bao gồm các tài khoản tạo thu nhập và doanh thu, các khoản vay chịu lãi, và chi phí chung của Công ty.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong kỳ của Công ty như sau:

	Doanh thu bán hàng hóa	Dịch vụ khai thác cảng, kho	Dịch vụ kho bãi (lưu kho, thuê kho và dịch vụ khác	Dịch vụ vận chuyển	Dịch vụ khác	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo bộ phận	120.966.482.389	43.902.439.874	18.469.406.207	4.742.938.139	4.780.528.629	192.861.795.238
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(117.266.820.863)	(37.661.519.112)	(2.502.632.526)	(2.560.587.812)	(64.267.982)	(160.055.828.295)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận	3.699.661.526	6.240.920.762	15.966.773.681	2.182.350.327	4.716.260.647	32.805.966.943
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(17.032.577.116)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						15.773.389.827
Doanh thu tài chính						263.640.880
Chi phí tài chính						(1.858.697.180)
Thu nhập khác						9.395.572.060
Chi phí khác						(1.372.469.070)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(487.290.134)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại						(624.167.905)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						21.089.978.488

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 22 tháng 04 năm 2016


Mai Đình Hạnh
 Người lập biểu


Mai Đình Hạnh
 Kế toán trưởng


Trần Đức Tuấn
 Tổng giám đốc

